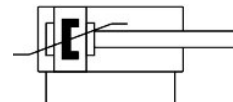


Xy lanh tiêu chuẩn DSBG-40-100-PPSA-N3

Số bộ phận: 1646563

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	100 mm
Ø pít tông	40 mm
Ren thanh pít tông	M12x1,25
Đệm	Giảm chấn vị trí cuối bằng khí nén tự điều chỉnh
Vị trí lắp đặt	bất kì
Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 15552
Đầu thanh piston	Ren ngoài
Cấu trúc xây dựng	Pít tông Cần piston Thanh kéo Thân vỏ xy lanh
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	thanh pít-tông một mặt
Áp suất vận hành	0.06 MPA...1.2 MPA 0.6 bar...12 bar
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14	Loại 5 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...80 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.7 J
Chiều dài đệm	19 mm
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	633 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống	754 N
Khối lượng di chuyển	365 g
Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm	205 g
Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm	16 g
trọng lượng sản phẩm	1090 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	740 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	35 g

Đặc tính	Giá trị
Kiểu gắn	tùy ý: với ren trong với phụ kiện
Cổng nối khí nén	G1/4
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	Nhôm đúc áp lực, trắng
Vật liệu con dấu piston	TPE-U(PU)
Vật liệu pít tông	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu thanh piston	thép hợp kim
Vật liệu ty pít tông-dụng cụ nạo kín	TPE-U (PU)
Con dấu đệm vật liệu	TPE-U (PU)
Vật liệu piston bộ đệm	POM
Vật liệu vỏ xy lanh	Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn
Vật liệu đai ốc	Thép, mạ kẽm
Vật liệu ổ trục	POM
Vật liệu đai ốc có bích	Thép, mạ kẽm
Vật liệu ty ren	thép hợp kim cao